

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST

Ngày: 25 - 01 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Cường;
2. Bà Lương Thảo Vy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 và 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2023/TLST – DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 656/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Hồng L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, theo văn bản uỷ quyền ngày 27/10/2023.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1983;
Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1984.

Cùng trú tại tổ A, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông H, bà L có mặt tại phiên toà; ông Q, bà H1 vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày: Do quen biết bà Thái Hồng L có cho bà Nguyễn Thị Kim H1 vay tiền nhiều lần từ trước dịch Covid năm 2021 đến khoảng đầu năm 2022 với tổng số tiền vay là 1.060.000.000đ, mỗi lần vay đều có làm biên nhận nợ do bà H1 trực tiếp ký và nhận tiền tại nhà của bà L, khi vay bà H1 nói để về làm vốn mua bán vật liệu xây dựng và có nói cho ông Q biết, lãi suất hai bên thoản thuận miệng là 5%/tháng, sau khi vay bà H1 có đóng lãi được vài tháng (không nhớ rõ), sau đó bà H1 vay thêm và nói dịch bệnh mua bán khó khăn nên nói để vài tháng đóng lãi một lần. Sau thời gian bà H1 không đóng lãi nên bà L yêu cầu bà H1 trả nợ, bà H1 hứa để bán nhà kho trả nợ, sau đó bà H1 vay thêm lần cuối là 300.000.000đ và nói là để 10 ngày sau trả vốn lãi đủ cho bà L. Tuy nhiên, bà H1 không thực hiện như đã hứa, bà L đòi nhiều lần nhưng bà H1 lánh mặt, bà L đến nhà gặp ông Q (chồng của bà H1) để nói về các khoản nợ bà H1 đã vay, ông Q có nói bà H1 bẽ nợ trốn đi, nợ này ông Q sẽ trả thay cho bà H1, nên ngày 23/5/2022, ông Q đã làm văn bản thoả thuận trả nợ thay cho bà H1 tổng số tiền nợ thiếu bà L là 1.060.000.000đ, ông Q có trả trước cho bà L số tiền 100.000.000đ, còn lại 960.000.000đ mỗi tháng ông Q trả 16.000.000đ. Ông Q đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L được 05 lần x 16.000.000đ/lần = 80.000.000đ thì ngưng đến nay. Ông Q, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L nên bà L yêu cầu ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay còn lại là 880.000.000đ, bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy thoả thuận trả nợ thay đề ngày 23/5/2022 (pho tô đã được Toà án đối chiếu bản chính).

Các bị đơn ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị Kim H1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông Q, bà H1 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông Q, bà H1. Toà án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn và đại diện của nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị Kim H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay

vốn 880.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Các bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông **Lê Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Kim H1** cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà **Thái Hồng L** vốn 880.000.000đ. Về lãi suất, bà **L** không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ông **Lê Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Kim H1** cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông **Lê Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Kim H1** trú tại **xã B, huyện C, tỉnh An Giang**. Bà **L** khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ông **Lê Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Kim H1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông **Q**, bà **H1**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:

Tại phiên toà, nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị Kim H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay vốn 880.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng việc vay tiền là do bà H1 trực tiếp giao dịch và nhận tiền vay từ bà L, việc vay giữa hai bên nhiều lần và mỗi lần vay đều có biên nhận. Tuy nhiên, sau khi vay bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và trốn tránh việc trả nợ nên ngày 23/5/2022 ông Lê Văn Q là chồng của bà H1 sau khi thoả thuận thống nhất các khoản nợ bà H1 vay thì ông Q làm văn bản thoả thuận trả nợ thay cho bà H1 với nguyên đơn số tiền nợ là 1.060.000.000đ, ông Q trả cho bà L được 100.000.000đ, sau đó mỗi tháng có trả thêm cho bà L 16.000.000đ, trả được 05 lần với số tiền 80.000.000đ thì ông Q ngưng không trả nữa. Xét, ông Q có thoả thuận tự nguyện trả nợ thay cho bà H1 là người có nghĩa vụ được bà L là người có quyền đồng ý cho ông Q trả nợ thay nhưng ông Q không thực hiện đúng như nghĩa vụ đã cam kết thì bà L vẫn có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện đúng nghĩa vụ đã vi phạm là phù hợp với quy định tại Điều 283 của Bộ luật dân sự. Tuy bà H1 là người trực tiếp thực hiện giao dịch vay với bà L nhưng việc vay được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông Q, bà H1 dùng vào việc mua bán chung nhằm phát sinh lợi nhuận phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, đã được ông Q thừa nhận số tiền vay và ông Q đã trả dần khoản nợ này cho bà L trong thời gian bà H1 vỡ nợ bỏ trốn. Do đó, theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng, thì “vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại Điều 37 của luật này nhằm để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng các bị đơn đều không có văn bản trình bày ý kiến hoặc phản đối thì xem như các bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận số nợ còn lại 880.000.000đ như nguyên đơn khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Tại phiên toà, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về án phí

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà **L** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 92; Điều 283; Điều 463; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Thái Hồng L**.

Buộc ông **Lê Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Kim H1** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Thái Hồng L** số tiền vốn vay 880.000.000đ (Tám trăm tám mươi triệu đồng).

- Về lãi suất: Bà **Thái Hồng L** không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí:

+ Ông **Lê Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Kim H1** cùng phải chịu 38.400.000đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà **Thái Hồng L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. **H2** lại cho bà **Thái Hồng L** số tiền 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015345 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ